NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH HỌC NGÀNH NGHỀ THUỘC LĨNH VỰC DU LỊCH CỦA SINH VIÊN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIÊN GIANG

***Trương Trí Thông*[1]**
***Nguyễn Văn Tuấn Vũ*[1]**
***Nguyễn Thị Tường Vi*[1]**

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này là xác định và phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ 329 sinh viên học ngành Du lịch tại Trường Cao đẳng Kiên Giang. Sau đó, số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 với phương pháp thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá. Kết quả cho thấy có 8 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề du lịch của sinh viên Trường Cao đẳng Kiên Giang: "Danh tiếng trường học", "Môi trường học tập", "Sở thích và năng lực cá nhân", "Đối tượng tham chiếu", Thông tin quảng bá", "Cơ hội nghề nghiệp", "Sự hỗ trợ và cơ hội liên thông" và "Chi phí". Trong đó có 6/8 nhân tố đánh giá ở mức độ ảnh hưởng đến quyết định của sinh viên, 02 nhân tố đánh giá ở mức bình thường. Qua đó, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm thu hút sinh viên hơn trong tương lai.

Từ khóa: *Các nhân tố ảnh hưởng, ngành Du lịch, sự lựa chọn ngành học, Trường Cao đẳng Kiên Giang*

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, du lịch đã trở thành một trong những nhu cầu cần thiết và rất lớn của con người, dẫn đến sự phát triển của nhiều ngành nghề, đặc biệt là các ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành. Xuất phát từ nhu cầu cao về lao động thuộc lĩnh vực du lịch, ngành học về du lịch được đưa vào đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng khắp cả nước, như Việt Nam học (chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch), Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch và lữ hành), văn hóa du lịch, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị khách sạn…

Trường Cao đẳng Kiên Giang là một trong những cơ sở đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho lĩnh vực du lịch ở bậc cử nhân cao đẳng chính quy và trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh nói riêng và khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Hiện nay, các ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch tại Trường được Khoa Du lịch đảm nhận đào tạo với hai chuyên ngành ở bậc cao đẳng chính quy là Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành cùng với Quản trị Khách sạn; ba ngành ở bậc trung cấp là Hướng dẫn du lịch, Nghiệp vụ Lễ tân và Nghiệp vụ nhà hàng. Với quy mô như vậy, mỗi năm Khoa Du lịch - Trường Cao đẳng Kiên Giang nhận hàng trăm hồ sơ xét tuyển và thu hút nhiều sinh viên theo học các ngành mà Khoa đào tạo. Tính đến tháng 12 năm 2018, Khoa có tổng cộng hơn 500 sinh viên học các chuyên ngành thuộc các khóa 9, khóa 10, khóa 11 và khóa 12; với số lượng sinh viên như thế góp phần cung cấp cho thị trường một đội ngũ lao động đông đảo, thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ và du lịch. Tuy nhiên, trong thời gian qua chưa có

[1]Trường Cao đẳng Kiên Giang
Email: ttthong@kgc.edu.vn

công trình nào nghiên cứu về việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học khối ngành thuộc lĩnh vực này nói chung và trường Cao đẳng Kiên Giang nói riêng để xác định được hình thức quảng bá cơ sở đào tạo, bồi dưỡng chất lượng giảng viên, phát triển cơ sở vật chất và kỹ thuật phục vụ học tập, cải thiện mức học phí… nhằm thu hút người học, cải thiện năng lực cạnh tranh của ngành và cơ sở đào tạo.

Chính vì thế, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích xác định và phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang; qua đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần cung cấp thêm thông tin cũng như những luận chứng thực tiễn cho cơ sở đào tạo nói riêng và các bên liên quan nói chung có những quyết định phù hợp liên quan đến đào tạo ngành, đặc biệt công tác tuyển sinh hiệu quả hơn.

2. Tổng quan nghiên cứu

Việc đào tạo ngành học cho sinh viên được xem như là một dịch vụ đặc biệt, dịch vụ đào tạo. Sinh viên là người mua, còn ngành học là sản phẩm dịch vụ trao đổi trong quá trình mua bán. Theo Philip Kotler (1997), hành vi mua là toàn bộ hoạt động mà khách hàng bộc lộ ra trong quá trình nhận diện, mua sắm, sử dụng, đánh giá dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu; để có một giao dịch, người mua trải qua 5 giai đoạn: nhận diện nhu cầu, tìm kiếm thông tin, đánh giá các lựa chọn thay thế, quyết định mua và hành vi sau khi mua [1]. Theo Trần Thị Cẩm Thanh và Đào Nhật Minh [1], quyết định lựa chọn dịch vụ là hành vi của khách hàng hình thành do 5 yếu tố cơ bản (lợi ích chuyên môn, lợi ích tâm lý, giá phí dịch vụ, khả năng đáp ứng và sự giới thiệu) tạo nên giá trị dịch vụ đó tác động làm cho họ cảm nhận và đưa ra quyết định sử dụng dịch vụ. Từ khái niệm đó, đối với quyết định lựa chọn ngành học có thể được hiểu là quyết định lựa chọn ngành học là hành vi của học sinh/thí sinh chịu sự tác động của một số yếu tố liên quan đến việc tạo nên giá trị dịch vụ đào tào của ngành học hoặc cơ sở đào tạo làm học sinh/thí sinh cảm thấy thích thú, hài lòng và đưa ra quyết định lựa chọn ngành học đó.

Việc lựa chọn ngành nghề hay nghề nghiệp sau này là công việc sẽ gắn bó với bản thân suốt đời và có ảnh hưởng to lớn đến đời sống tinh thần, vật chất của mỗi cá nhân. Nếu lựa chọn đúng, cá nhân đó sẽ có được niềm say mê, sự hứng thú với công việc, cơ hội phát huy năng lực của bản thân với hiệu suất cao nhất. Tuy nhiên, nhiều bạn trẻ hiện nay còn lựa chọn nghề theo xu hướng chung "thời thượng" – chỉ chú trọng những ngành nghề được xã hội đề cao hoặc hứa hẹn thu nhập cao mà không nghĩ đến khát vọng nghề nghiệp, năng lực bản thân và nhu cầu thực tế, chọn ngành nghề mà hiểu biết quả ít, thậm chí không hiểu nghề định chọn sẽ dẫn đến gặp trở ngại lớn trong quá trình học tập của bản thân, sự hụt hẫng, bi quan, chán nản… [2].

Có thể điểm qua một số công trình nghiên cứu về vấn đề này. Trần Văn Quí và Cao Hào Thi [3] với nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học; công trình của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4] trong nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn học chương

trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Đại học Huế; Nguyễn Thị Lan Hương [5] với công trình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cộng cơ chọn ngành quản trị doanh nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng. Ở phạm vi nước ngoài, có những công trình nổi tiếng như: mô hình sự lựa chọn của sinh viên đại học của Chapman [6]; các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn trường đại học nông nghiệp, thực phẩm và tài nguyên thiên nhiên của sinh viên người Mỹ gốc Phi của tác giả Burns [7]; công trình các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn trường học và mức độ quan tâm của học sinh đối với chương trình hàng hải của Aguado, Laguador and Deligero [8]; nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên tại trường hàng không do tác giả Pendergrass thực hiện [9].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Từ lâu, lựa chọn trường đại học hay lựa chọn ngành nghề của học sinh trung học phổ thông và sinh viên đã trở thành đối tượng của nhiều nhà nghiên cứu trong lẫn ngoài nước. Vì vậy, có rất nhiều cơ sở lý thuyết cũng như mô hình nghiên cứu về vấn đề này. Chapman [6] đã đề nghị mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học của các học sinh. Theo ông có 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng đó là: (1) đặc điểm của gia đình và cá nhân học sinh; và (2) một số yếu tố bên ngoài ảnh hưởng cụ thể như: các cá nhân có ảnh hưởng, các đặc điểm cố định của trường đại học và nỗ lực giao tiếp của trường đại học với các học sinh. Kế thừa mô hình nghiên cứu của Chapman năm 1981, Burns [7] đã nghiên cứu cụ thể ở một trường đại học tại Mỹ. Burns cho rằng, có 4 yếu tố tác động đến việc lựa chọn ngành học ở trường đại học, bao gồm: (1) Nguồn thông tin, (2) Đặc điểm của trường học, (3) Sự lựa chọn cá nhân và (4) Mối tương tác xã hội. Theo Aguado, Laguador and Deligero [8], các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn chương trình học và bằng cấp bao gồm chất lượng giáo dục, môi trường, sở thích lựa chọn cá nhân và khả năng tiếp cận của trường học. Kết quả của Pendergrass [9] chỉ ra rằng, các yếu tố về sự thú vị, thu nhập cao, có người thân/bạn bè làm trong ngành, nhu cầu về thị trường lao động lớn, ngành công nghệ cao có ảnh hưởng đến sự quyết định của việc lựa chọn trường học.

Nguyễn Thị Lan Hương [4] chỉ ra rằng: (1) Cơ hội đào tạo liên thông; (2) cơ hội nghề nghiệp; (3) đối tượng tham chiếu; (4) sự hữu ích của kiến thức; (5) phù hợp với đặc điểm cá nhân; và (6) động cơ chọn ngành là các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ chọn ngành quản trị doanh nghiệp của sinh viên.

Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [3] đã khám phá ra 7 nhân tố: (1) nhóm tham khảo; (2) sự phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân; (3) danh tiếng; (4) lợi ích học tập; (5) cơ hội nghề nghiệp; (6) chi phí học tập; (7) công tác truyền thông. Sau khi phân tích dữ liệu thì kết quả nghiên cứu cho thấy những nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định theo học chương trình liên kết Rennes và chương trình tiên tiến Sydney là cơ hội du học, cơ hội học tập trong môi trường ngoại ngữ, được học với giảng viên nước ngoài và cơ hội việc làm.

Lưu Thị Thái Tâm, Châu Sôryaly và Chau Khon [10] nghiên cứu xác định và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố then chốt đến quyết định chọn trường đại học của học sinh lớp 12 tại các trường phổ thông trung học trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Kết quả phân tích hồi quy bội cho thấy các yếu tố: cơ hội việc làm trong tương lai và tương thích với đặc điểm cá nhân, sự định hướng của các cá nhân có ảnh hưởng, cơ hội trúng tuyển, đặc điểm cá nhân của học sinh và đặc điểm trường đại học - ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học. Trong các yếu tố được nghiên cứu thì yếu tố tác động mạnh nhất đến việc chọn trường đại học là yếu tố cơ hội việc làm trong tương lai và tương thích với đặc điểm cá nhân, kế đến là yếu tố cơ hội trúng tuyển và cuối cùng là yếu tố cá nhân học sinh.

Trần Ngọc Mai, Đỗ Thị Thu Hương và Đỗ Thùy Linh [11] thực hiện nghiên cứu nhằm xác định xác yêu tố tác động tới quyết định lựa chọn chương trình cử nhân Học viện Ngân hàng của người học. Mô hình nghiên cứu ban đầu được nhóm tác giả đề xuất gồm: đặc điểm cố định của trường; nỗ lực giao tiếp của trường; các cá nhân liên quan; đặc điểm của cá nhân người học. Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy những nhóm nhân tố có mức độ tác động giảm dần là: Nhóm yếu tố đặc điểm cố định của trường Học viện Ngân hàng; nhóm yếu tố nỗ lực giao tiếp của trường Học viện Ngân hàng; nhóm yếu tố các cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường của học sinh; nhóm yếu tố đặc điểm bản thân học sinh.

Trên cơ sở tham khảo mô hình nghiên cứu và các tiêu chí của các nghiên cứu nói trên, nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang gồm 7 nhân tố: Đối tượng tham chiếu; Nguồn thông tin quảng bá; Chi phí học tập; Cơ hội nghề nghiệp; Danh tiếng trường học; Sở thích và năng lực cá nhân; Lợi ích học tập (hình 1).

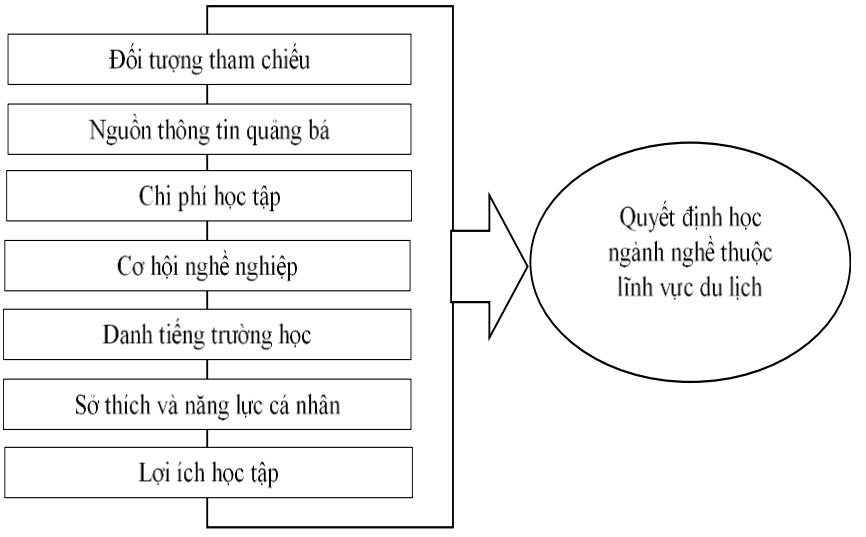

Hình 1: *Mô hình nghiên cứu nhóm tác giả đề xuất*

Các biến quan sát cụ thể trong từng nhân tố bao gồm:

- Đối tượng tham chiếu: Lựa chọn dựa trên đề xuất của người thân, gia đình (DTTC1), lựa chọn dựa trên đề xuất của bạn bè trung học phổ thông (DTTC2), lựa chọn dựa trên đề xuất của người đã và đang học ngành Du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang trong thời điểm tuyển sinh (DTTC3), lựa chọn dựa trên đề xuất của giáo viên trung học phổ thông (DTTC4), lựa chọn dựa trên ý kiến trao đổi với người hướng nghiệp/ tuyển sinh (DTTC5), lựa chọn dựa trên thị trường là "ngành hot" (DTTC6).

- Nguồn thông tin quảng bá: Biết thông tin từ ngày hội tư vấn tuyển sinh (TTQB1), đọc thông tin trên website (TTQB2), đọc thông tin trên mạng xã hội (TTQB3), đọc thông tin trên tờ rơi, tờ gấp (TTQB4), xem thông tin trên truyền hình (TTQB5).

- Chi phí học tập: Có chương trình học bổng khuyến khích học tập (CPHT1), có chương trình hỗ trợ tài chính (CPHT2), cơ cấu học phí phù hợp (CPHT3), chi phí sinh hoạt phù hợp (CPHT4).

- Cơ hội nghề nghiệp: Có nhiều công việc để lựa chọn mà ngành Du lịch mang lại (CHNN1), ngành Du lịch mang lại việc làm có thu nhập cao (CHNN2), dễ tìm việc làm sau khi tốt nghiệp (CHNN3), có nhiều cơ hội làm việc ở công ty nước ngoài (CHNN4).

- Danh tiếng trường học: Danh tiếng, phẩm chất của giảng viên (DTTH1), chất lượng của đội ngũ giảng viên (DTTH2), danh tiếng về chương trình đào tạo ngành Du lịch của Trường (DTTH3), uy tín về chương trình đào tạo ngành Du lịch của Trường (DTTH4), đánh giá cao của nhà tuyển dụng về bằng cấp của cơ sở đào tạo (DTTH5), năng lực của sinh viên đã và đang theo học chương trình du lịch của Trường (DTTH6).

- Sở thích và năng lực cá nhân: Ngành Du lịch phù hợp với năng lực bản thân (STNL1), ngành Du lịch phù hợp với sở thích bản thân (STNL2), ngành Du lịch phù hợp với tính cách bản thân (STNL3), điểm đầu vào của ngành phù hợp với khả năng bản thân (STNL4).

- Lợi ích học tập: Vị trí của cơ sở đào tạo thuận lợi (LIHT1), cơ sở đào tạo có môi trường học tập tốt (LIHT2), cơ sở đào tạo có nhiều hoạt động ngoại khóa (LIHT3), cơ sở vật chất, thiết bị dạy - học đảm bảo (LIHT4), cơ sở hạ tầng của cơ sở đào tạo có chất lượng (LIHT5), có chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số (LIHT6), Có cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp (LIHT7).

3.2. Kỹ thuật chọn mẫu

Trong thời điểm nghiên cứu, có 02 khóa sinh viên hệ cao đẳng chính quy đang học tại Khoa Du lịch, trường CĐKG (khóa 11 và khóa 12) với 02 ngành học (ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành; ngành Quản trị Khách sạn). Chính vì vậy, nghiên cứu sử dụng kỹ thuật lấy mẫu xác suất kiểu ngẫu nhiên phân tầng dưới dạng không tỷ lệ theo từng ngành học và khóa học để thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi nhằm có được mẫu đại diện tốt nhất.

Kích cỡ mẫu của nghiên cứu là 329 quan sát. Theo Hair và cộng sự (2006) [12], để sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá thì kích cỡ mẫu tối thiểu phải là 50, tốt hơn là 100 và tỷ lệ quan sát/ biến đo lường là 5:1, nghĩa là biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát. Nghiên cứu này sử dụng 36 biến đo lường, do đó số mẫu theo lý thuyết cần lấy sẽ là 36 x 5 = 180. Như vậy, kích cỡ mẫu của nghiên cứu n = 329 là phù hợp. Thời gian thu thập dữ liệu từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2019. Số lượng mẫu phân tầng không tỷ lệ đối với từng ngành học và từng khóa được thể hiện như sau:

Bảng 1: *Cơ cấu mẫu nghiên cứu*

Khóa học	Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Ngành Quản trị Khách sạn
Khóa 11	65	54
Khóa 12	96	114
Tổng cộng: 329	**161**	**168**

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu, năm 2019)

3.3. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp của nghiên cứu được thu thập là các bài báo đăng trên tạp chí khoa học. Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để kế thừa thông tin hữu ích và tin cậy từ loại dữ liệu này nhằm phục vụ cho việc xây dựng mô hình nghiên cứu và diễn giải, bình luận một số kết quả nghiên cứu.

3.4. Phương pháp phân tích dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sau khi được thu thập sẽ được tổng hợp, xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 với các phương pháp được sử dụng bảo gồm: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp kiểm định độ tin cậy của thang đo và phương pháp phân tích nhân tố khám phá.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang

Để tiến hành xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang, nghiên cứu thực hiện phương pháp phân tích nhân tố khám phá. Để tiến hành phân tích nhân tố khám phá, các nhân tố và biến quan sát được đánh giá bằng hệ số Cronbach's Alpha. Sau khi đánh giá 7 nhân tố với 36 biến quan sát, đều có hệ số Cronbach's Alpha trên 0,7 (chấp nhận được và tốt), có 02 biến bị loại bỏ do hệ số tương quan biến-tổng hiệu chỉnh > 0,3 (biến DTTC6 và TTQB1). Như vậy, còn lại 34 biến quan sát đảm bảo độ tin cậy và đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá (bảng 2).

Bảng 2: *Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo*

Nhân tố	Biến bị loại	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh
Đối tượng tham chiếu	DTTC6	0,760	0,431 → 0,603
Nguồn thông tin quảng bá	TTQB1	0,748	0,493 → 0,590
Chi phí học tập		0,745	0,496 → 0,678
Cơ hội nghề nghiệp		0,764	0,489 → 0,651
Danh tiếng trường học		0,904	0,670 → 0,782
Sở thích và năng lực cá nhân		0,834	0,610 → 0,727
Lợi ích học tập		0,852	0,517 → 0,689

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=329)

Dùng kiểm định KMO và Bartlett để kiểm dịnh mức độ thích hợp của các biến đã đánh giá độ tin cậy trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Theo Kaiser (1974; trích trong [12]) cho rằng KMO ≥ 0,9: Rất tốt; KMO ≥ 0,8: Tốt; KMO ≥ 0,7: Được; KMO ≥ 0,6: Tạm được; KMO ≥ 0,5: Xấu; KMO < 0,5: Không thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, tổng phương sai giải thích ở bảng Total Variance Explained > 50% [13]. Ngoài ra, theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc [14], nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. > 0,05 (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố khám phá. Sau khi kiểm định KMO và Bartlett, chỉ số của dữ liệu nghiên cứu = 0,892 (chỉ số KMO tốt) và kiểm định Bartlett có giá trị Sig. = 0,000 (< 0,05) (Bảng 3). Vậy dữ liệu này đủ điều kiện để phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 3: *Kiểm định KMO và Barlett*

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,892
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5352,447
	Df	561
	Sig.	,000

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=329)

Theo Hair và cộng sự (2009) [13], mẫu nghiên cứu là 329 thì hệ số tải nhân tố phải ≥ 0,35. Sau khi phân tích, tất cả 34 biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố ≥ 0,35. Dựa vào bảng ma trận nhân tố xoay ta có thể kết luận, có 08 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch của sinh viên hệ chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang.

Bảng 4: *Ma trận điểm số nhân tố*

Biến quan sát	Nhân tố							
	1	2	3	4	5	6	7	8
DTTH3	0,298							
DTTH5	0,282							
DTTH2	0,256							
DTTH1	0,251							
DTTH4	0,229							
DTTH6	0,217							
LIHT5		0,317						
LIHT4		0,304						
LIHT1		0,313						
LIHT2		0,241						
LIHT3		0,163						
STNL1			0,347					
STNL2			0,315					
STNL3			0,345					
STNL4			0,281					
DTTC2				0,372				
DTTC4				0,290				
DTTC3				0,291				
DTTC1				0,313				
DTTC5				0,170				
TTQB2					0,368			
TTQB5					0,340			
TTQB3					0,317			
TTQB4					0,316			
CHNN3						0,442		
CHNN2						0,141		
CHNN4						0,382		
CHNN1						0,296		
CPHT1							0,428	
CPHT2							0,324	
LIHT7							0,366	
LIHT6							0,326	
CPHT3								0,491
CPHT4								0,494

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019, n=329)

Dựa vào bảng ma trận điểm số nhân tố (bảng 4), ta có các phương trình nhân tố sau:

F_1= 0,298DTTH3 + 0,282DTTH5 + 0,256DTTH2 + 0,251DTTH1 +0,229DTTH4 + 0,217DTTH6

Nhân tố 1 (F_1) được đặt tên là "Danh tiếng trường học". Nhân tố này chịu sự tác động của 06 biến: DTTH3 (Danh tiếng về chương trình đào tạo ngành Du lịch của trường), DTTH5 (Đánh giá cao của nhà tuyển dụng về bằng cấp của cơ sở đào tạo), DTTH2 (Chất lượng của đội ngũ giảng viên), DTTH1 (Danh tiếng, phẩm chất của giảng viên), DTTH4 (Uy tín về chương trình đào tạo ngành Du lịch của trường) và DTTH6 (Năng lực của sinh viên đã và đang theo học chương trình Du lịch của trường). Trong đó biến DTTH3 và DTTH5 là tác động mạnh đến nhân tố danh tiếng trường học.

F_2= 0,317LIHT5 + 0,304LIHT4 + 0,313LIHT1 + 0,241LIHT2 +0,163LIHT3

Nhân tố 2 (F_2) được đặt tên là "Môi trường học tập". Nhân tố này chịu sự tác động của 05 biến: LIHT5 (Cơ sở hạ tầng của cơ sở đào tạo có chất lượng), LIHT4 (Cơ sở vật chất, thiết bị dạy - học đảm bảo), LIHT1 (Vị trí của cơ sở đào tạo thuận lợi), LIHT2 (Cơ sở đào tạo có môi trường học tập tốt), LIHT3 (Cơ sở đào tạo có nhiều hoạt động ngoại khóa). Trong đó biến LIHT5 và LIHT1 tác động mạnh đến nhân tố lợi ích học tập.

F_3= 0,347STNL1 + 0,315STNL2 + 0,345STNL3 + 0,281STNL4

Nhân tố 3 (F_3) được đặt tên là "Sở thích và năng lực cá nhân". Nhân tố này chịu sự tác động của 04 biến: STNL1 (Ngành Du lịch phù hợp với năng lực bản thân), STNL2 (Ngành Du lịch phù hợp với sở thích bản thân), STNL3 (Ngành Du lịch phù hợp với tính cách bản thân) và STNL4 (Điểm đầu vào của ngành phù hợp với khả năng bản thân). Trong đó biến STNL1 và STNL3 tác động mạnh nhất đến nhân tố này.

F_4= 0,372DTTC2 + 0,290DTTC4 + 0,291DTTC3 + 0,313DTTC1 + 0,170DTTC5

Nhân tố 4 (F_4) được đặt tên là "Đối tượng tham chiếu". Nhân tố này chịu sự tác động của 05 biến: DTTC2 (Lựa chọn dựa trên đề xuất của bạn bè trung học phổ thông), DTTC4 (Lựa chọn dựa trên đề xuất của giáo viên trung học phổ thông), DTTC3 (Lựa chọn dựa trên đề xuất của người đã và đang học ngành Du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang trong thời điểm tuyển sinh), DTTC1 (Lựa chọn dựa trên đề xuất của người thân, gia đình) và DTTC5 (Lựa chọn dựa trên ý kiến trao đổi với người hướng nghiệp/tuyển sinh). Trong đó biến DTTC2 và DTTC1 tác động mạnh nhất đến nhân tố này.

F_5= 0,368TTQB2 + 0,340TTQB5 + 0,317TTQB3 + 0,316TTQB4

Nhân tố 5 (F_5) được đặt tên là "Thông tin quảng bá". Nhân tố này chịu sự tác động của 04 biến: TTQB2 (Đọc thông tin trên website), TTQB5 (Xem thông tin trên truyền hình), TTQB3 (Đọc thông tin trên mạng xã hội) và TTQB4 (Đọc thông tin trên tờ rơi, tờ gấp). Trong đó biến TTQB2 tác động mạnh nhất đến nhân tố này.

F_6= 0,442CHNN3 + 0,141CHNN2 + 0,382CHNN4 + 0,296CHNN1

Nhân tố 6 (F_6) được đặt tên là "Cơ hội nghề nghiệp". Nhân tố này chịu sự tác động của 04 biến: CHNN3 (Dễ tìm việc

làm sau khi tốt nghiệp), CHNN2 (Ngành Du lịch mang lại việc làm có thu nhập cao), CHNN4 (Có nhiều cơ hội làm việc ở công ty nước ngoài) và CHNN1 (Có nhiều công việc để lựa chọn mà ngành Du lịch mang lại). Trong đó biến CHNN3 tác động mạnh nhất đến nhân tố cơ hội nghề nghiệp.

F_7= 0,428CPHT1 + 0,324CPHT2 + 0,366LIHT7 + 0,326LIHT6

Nhân tố 7 (F_7) được đặt tên là "Sự hỗ trợ và cơ hội liên thông". Nhân tố này chịu sự tác động của 04 biến: CPHT1 (Có chương trình hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập), CPHT2 (Có chương trình hỗ trợ tài chính), LIHT7 (Có cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp) và LỊT6 (Có chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số). Trong đó biến CPHT1 tác động mạnh nhất đến nhân tố sự hỗ trỡ và cơ hội liên thông.

F_8= 0,491CPHT3 + 0,494CPHT4

Nhân tố 8 (F_8) được đặt tên là "Chi phí". Nhân tố này chịu sự tác động của 02 biến: CPHT3 (Cơ cấu học phí phù hợp) và CPHT4 (Chi phí sinh hoạt phù hợp). Trong đó biến CPHT3 tác động mạnh nhất đến nhân tố này.

4.2. Đánh giá của sinh viên hệ cao đẳng chính quy về những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch tại Trường Cao đẳng Kiên Giang

Trong số các nhân tố kể trên, sinh viên hệ cao đẳng chính quy của Trường CĐKG bị các khía cạnh cơ hội nghề nghiệp (M=3,97), sở thích và năng lực cá nhân (M=3,94), danh tiếng trường học (M=3,82), môi trường học tập (M=3,72), chi phí học tập và sinh hoạt (M=3,66), sự hỗ trợ và cơ hội liên thông (M=3,54) ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch; còn khía cạnh thông tin quảng bá (M=3,02) và đối tượng tham chiếu (M=2,71) thì chỉ ở mức bình thường.

Danh tiếng của cơ sở đào tạo có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của người học. Người học thường lựa chọn ngành nghề của trường học có chất lượng, có uy tín về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên giảng dạy lẫn chất lượng người học sau khi ra trường. Nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4], Burns [7], Lưu Thị Thái Tâm, Châu Sôryaly và Chau Khon [10] cũng cho thấy danh tiếng của trường học ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ngành học của sinh viên. Sinh viên đánh giá rằng, họ bị ảnh hưởng bởi uy tín về chương trình đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên, danh tiếng về chương trình đào tạo ngành Du lịch của trường, năng lực của sinh viên đã và đang theo học chương trình du lịch của trường, danh tiếng và phẩm chất của giảng viên, đánh giá cao của nhà tuyển dụng về bằng cấp của cơ sở đào tạo.

Người học luôn quan tâm đến lợi ích của mình khi học tại một cơ sở đào tạo nào đó, họ mong muốn được đảm bảo có một môi trường học tập tốt và thuận lợi học như về môi trường học tập, cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên… Kết quả này cũng phù hợp với kết quả của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4]. Trên phương diện này, sinh viên đánh giá rằng, họ bị ảnh hưởng bởi các vấn đề về vị trí thuận lợi của cơ sở đào tạo, cơ sở đào tạo có môi trường học tập tốt, có nhiều hoạt động ngoại khóa, cơ sở

hạ tầng và cơ sở vật chất, thiết bị dạy - học có chất lượng và đảm bảo tốt.

Sở thích và năng lực của mỗi cá nhân là không giống nhau, sở thích và năng lực của người học bao gồm sự phù hợp về thế mạnh học tập ở bậc phổ thông, khả năng về điểm đầu vào, sở thích cá nhân về ngành nghề đó… Nếu người học chọn học và làm nghề không phù hợp thì sẽ mất đi tính sáng tạo, năng lượng và hiệu suất làm việc. Ngược lại, nếu chọn đúng ngành nghề với sở trường và yêu thích của bản thân thì sẽ có thể đảm bảo được công việc tốt hơn sau này. Chính vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu cho thấy sở thích và năng lực cá nhân có ảnh hưởng đến việc chọn trường và ngành nghề như Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4], Nguyễn Thị Lan Hương [5], Chapman [6], Burns [7], Lưu Thị Thái Tâm, Châu Sôryaly và Chau Khon [10], Trần Ngọc Mai, Đỗ Thị Thu Hương và Đỗ Thùy Linh [11]. Sinh viên hệ cao đẳng chính quy Trường Cao đẳng Kiên Giang cho rằng, họ chọn học ngành Du lịch là vì ngành này phù hợp với sở thích, điểm đầu vào phù hợp với khả năng, phù hợp với năng lực và tính cách của bản thân.

Đối tượng tham chiếu là những cá nhân có ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học hay cơ sở đào tạo của người học, những đối tượng tham chiếu đó có thể là cha mẹ, anh chị, bạn bè, hoặc giáo viên ở trung học phổ thông… Trong thời điểm tuyển sinh, người học thường tham khảo ý kiến của những đối tượng tham chiếu này, đặc biệt là phía gia đình. Theo kết quả nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4], Nguyễn Thị Lan Hương [5], Chapman [6], Burns [7], cho thấy đối tượng tham chiếu có ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành nghề học. Theo đánh giá của sinh viên, khi lựa chọn ngành Du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang không bị ảnh hưởng bởi đề xuất của giáo viên và bạn bè trung học phổ thông, người thân và giá đình của mình. Còn đối với ý kiến đề xuất của người hướng nghiệp/tuyển sinh và người đã và đang học ngành Du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang thì chỉ ở mức bình thường.

Nguồn thông tin quảng bá và hoạt động truyền thông tuyển sinh có sức ảnh hưởng không nhỏ đến quyết định chọn ngành nghề của người học. Thông qua các thông tin được quảng bá và cung cấp, đối tượng người học có thể hình dung được về đặc điểm của từng ngành nghề, cơ hội việc làm, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường, các công việc có thể làm sau khi tốt nghiệp từ ngành nghề đó… Kết quả nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4], Burns [7] cũng cho thấy kết quả tương tự, thông tin quảng bá có ảnh hưởng đến quyết định của người học. Sinh viên cho rằng, thông tin trên mạng xã hội có ảnh hưởng đến quyết định chọn học ngành Du lịch tại Trường Cao đẳng Kiên Giang, còn các thông tin trên truyền hình, tờ rơi, tờ gấp và thông tin từ ngày hội tư vấn tuyển sinh thì bình thường.

Khi chọn một ngành nghề nào đó, người học luôn muốn có cơ hội nghề nghiệp sau khi ra trường như dễ tìm việc, khả năng thu nhập cao, nhiều công việc để đảm nhận… Chính vì vậy, nhân tố này có ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn ngành nghề học. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và

Nguyễn Thị Minh Hòa [4], Nguyễn Thị Lan Hương [5], Lưu Thị Thái Tâm, Châu Sôryaly và Chau Khon [10]. Đối với cơ hội nghề nghiệp, sinh viên bị ảnh hưởng bởi ngành Du lịch mang lại nhiều công việc để lựa chọn, khả năng thu nhập cao, dễ tìm việc và có thể làm việc ở công ty nước ngoài.

Người học luôn muốn nhận được các chính sách hỗ trợ từ phía nhà trường, nhất là đối với người học có hoàn cảnh khó khăn, các dân tộc thiểu số hoặc thậm chí là những chính sách về khuyến khích học tập cho đối tượng có thành tích giỏi và xuất sắc… Bên cạnh đó, đối với người học ở trình độ cao đẳng luôn muốn có được cơ hội liên thông lên đại học để đảm bảo công việc hoặc thăng cấp bậc, nâng lương… Qua kết quả phân tích, chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số, cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp được tách ra từ nhân tố lợi ích học tập ban đầu và kết hợp với hai phương diện của chi phí học tập là chương trình học bổng khuyến khích học tập và chương trình hỗ trợ tài chính để tạo thành nhân tố mới. Sinh viên cảm thấy ảnh hưởng bởi chính sách hỗ trợ người dân tộc thiểu số, chương trình học bổng khuyến khích học tập và chương trình hỗ trợ tài chính. Tuy nhiên, sinh viên cảm thấy bình thường với cơ hội liên thông sau khi tốt nghiệp.

Chi phí luôn là điều quan tâm của mỗi người, nhất là đối với người học. Sinh viên và gia đình luôn mong muốn lựa chọn ngành học, nhất là cơ sở đào tạo có mức học phí cũng như nơi có chi phí sinh hoạt cho sinh viên trong suốt thời gian học một cách phù hợp, đảm bảo khả năng tài chính của gia đình. Kết quả này cũng giống với kết quả nghiên cứu của Phan Thị Thanh Thủy và Nguyễn Thị Minh Hòa [4]. Sinh viên đánh giá rằng, chi phí có ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang, cụ thể là cơ cấu học phí và chi phí sinh hoạt phù hợp.

5. Kết luận và khuyến nghị

Ngành học thuộc lĩnh vực du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang hiện nay đang thu hút nhiều sinh viên theo học, thế nhưng những nhân tố nào ảnh hưởng đến người học để quyết định chọn ngành nghề này thì vẫn chưa được xác định cụ thể. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, có 08 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học ngành nghề thuộc lĩnh vực du lịch ở Trường Cao đẳng Kiên Giang, cụ thể là trường hợp sinh viên hệ cao đẳng chính quy. Các nhân tố đó bao gồm: "Danh tiếng trường học", "Môi trường học tập", "Sở thích và năng lực cá nhân", "Đối tượng tham chiếu", Thông tin quảng bá", "Cơ hội nghề nghiệp", "Sự hỗ trợ và cơ hội liên thông" và "Chi phí". Trong 08 nhân tố này, sinh viên đánh giá rằng, 6/8 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định của họ, còn lại 02 nhân tố chỉ đánh giá ở mức bình thường (không phải không ảnh hưởng cũng không phải ảnh hưởng) là "Thông tin quảng bá" và "Đối tượng tham chiếu".

Để Trường Cao đẳng Kiên Giang có thể tuyển sinh đạt hiệu quả, thu hút người học đối với ngành nghề thuộc lĩnh vực được nhiều hơn trong thời gian tới cũng như khẳng định vị thế của trường, nhóm nghiên cứu xin đề xuất một số khuyến nghị sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao danh tiếng của nhà trường thông qua nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cả về trình

độ, khả năng chuyên môn và danh tiếng, phẩm chất để giúp sinh viên ra trường có đủ năng lực đảm nhiệm công việc sau khi tốt nghiệp đối với nhà tuyển dụng.

Thứ hai, nâng cao cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, thiết bị trong việc dạy và học như phòng học, thiết bị thực hành, máy chiếu…; tiếp tục phát huy và tạo nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên để tạo sự hứng thú trong học tập.

Thứ ba, khảo sát nhu cầu của học sinh bậc trung học phổ thông để hiểu rõ sở thích, nhu cầu của người học về điểm xét tuyển, học phí, chính sách hỗ trợ… cũng như kết hợp với việc trao đổi ý kiến nhằm tuyển sinh đạt hiệu quả.

Thứ tư, khoa chuyên môn đào tạo và Nhà trường cần tăng cường quảng bá thông tin ngành học liên quan đến du lịch trên các trang mạng xã hội, nhất là facebook; trên website của trường, trên tờ rơi, tờ gấp trong ngày hội tư vấn tuyển sinh.

Thứ năm, khoa chuyên môn đào tạo và nhà trường cần kết nối với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng có liên qua đến ngành Du lịch nhằm tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài đang đầu tư trong địa bàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Cẩm Thanh, Đào Nhật Minh (2015), "Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam", *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, 7, tr. 20-22

2. Hoàng Thị Sông Lam (2016), "Nhân tố ảnh hưởng đến khát vọng nghề của học sinh trung học phổ thông trường công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ", *Tạp chí Khoa học Đại học Trà Vinh*, 23, tr. 21-27

3. Trần Văn Quí, Cao Hào Thi (2009), "Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học", *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 12(15), tr. 87-102

4. Phan Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Minh Hòa (2017), "Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn theo học chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài ở Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế", *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế*, 126(5A), tr. 29-42

5. Nguyễn Thị Lan Hương (2012), "Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cộng cơ chọn ngành quản trị doanh nghiệp của sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng", Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Đà Nẵng

6. Chapman, D. W. (1981), "A Model of Student college choice", *The Journal of Higher Education*, 52(5), pp. 490-505

7. Burns, J. M. (2006), "Factors Influencing the College Choice of African-American Students Admitted to the College of Agriculture, Food and Natural Resources", Master Thesis, Missouri University, Columbia

8. Aguado, L. C., Laguador, J. and Deligero, L. J. C. (2015), "Factors Affecting the Choice of School and Students' Level of Interest towards the Maritime Program", *Asian Social Science*, 11(21), pp. 231-239

9. Pendergrass, F. J. (2008), "A Study of Career Choice Factors and Students' Academic Success at an Aviation School", Doctor Thesis, Oklahoma State University, Oklahoma, USA

10. Lưu Thị Thái Tâm, Châu Sôryaly, Chau Khon (2017), "Các yếu tố tác động đến quyết định chọn trường đại học của học sinh lớp 12 tại thành phố Long Xuyên, An Giang", *Tạp chí Khoa học Đại học An Giang*, 13(1), tr. 88-100

11. Trần Ngọc Mai, Đỗ Thị Thu Hương, Đỗ Thùy Linh (2018), "Các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn chương trình cử nhân Học viện Ngân hàng của người học", *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 193, tr. 65-75

12. Nguyễn Đình Thọ (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động-Xã hội, Hà Nội

13. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong Kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh

14. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu với SPSS (Tập 2)*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

FACTORS AFFECTING THE DECISION TO STUDY A VOCATION IN THE FIELD OF TOURISM STUDENTS OF KIEN GIANG COLLEGE

ABSTRACT

The purpose of this study is to identify and analyze the factors affecting the decision to study a career in the field of tourism of regular college students of Kien Giang College. Data in the study were collected from 329 students majoring in tourism at the College of Tourism. After that, the data were processed using SPSS 20.0 software with descriptive statistics, scale reliability assessment and exploratory factor analysis. The findings show that there are 08 factors affecting the decision of students to study tourism at Kien Giang College: "Reputation of the school", "Learning environment", "Personal interests and abilities", "For Reference Objects", Promotional Information", "Career Opportunities", "Support and Affiliate Opportunities" and "Costs". In which, 6/8 factors are assessed at the level of influence on students' decisions, 02 factors are rated at normal level. Thereby, some recommendations are proposed to attract more students in the future.

Keywords*: Influential factors, major in tourism, choice of majors, Kien Giang College*

(Received: 11/6/2019, Revised: 22/10/2019, Accepted for publication: 1/11/2021)